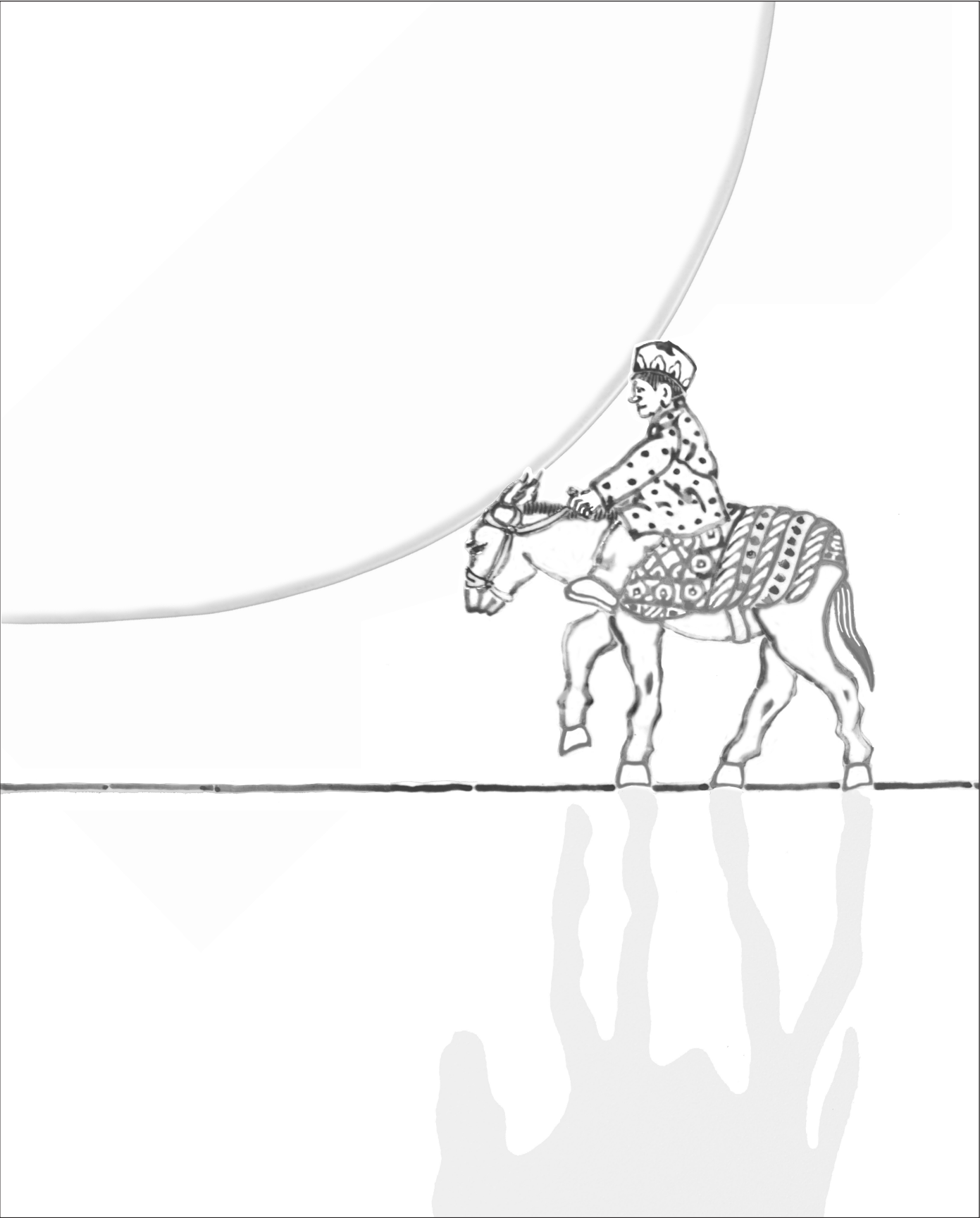




なまえ
Tên

学校名・施設名(デイサービス等)
Tên trường・Tên cơ sở (Dịch vụ chăm sóc ban ngày, v.v.)

() Tuổi

着色方法 Cách tô màu (Vui lòng khoanh tròn (O))	色鉛筆 Bút chì màu	クレヨン Sáp màu	絵具 Màu nước	マジック Bút dạ	デジタル Kỹ thuật số	その他 Khác ()
---	--------------------	-----------------	----------------	----------------	---------------------	-----------------